



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.736.241.367.786	1.479.676.675.892
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	172.190.983.641	604.025.207.270
111	1. Tiền		47.190.983.641	112.125.207.270
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.000.000.000	491.900.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		527.028.706.918	363.373.156.498
121	1. Chứng khoán kinh doanh	9.1	427.981.868.283	59.751.236.919
122	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	9.1	(953.161.365)	(6.378.080.421)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.000.000.000	310.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.024.285.912.273	512.278.312.124
131	1. Phải thu khách hàng		9.246.722.010	7.519.281.105
132	2. Trả trước cho người bán		225.097.399.606	10.260.515.505
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		622.600.000.000	68.600.000.000
136	4. Các khoản phải thu khác	5	167.341.790.657	425.898.515.514
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.735.764.954	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.374.746.441	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.361.018.513	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.047.976.565.377	11.280.689.208.301
220	I. Tài sản cố định		48.799.476.319	12.356.280.811
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	41.118.777.284	4.580.545.672
222	Nguyên giá		48.975.043.005	22.290.189.480
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.856.265.721)	(17.709.643.808)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	7.680.699.035	7.775.735.139
228	Nguyên giá		12.054.448.449	14.919.661.767
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.373.749.414)	(7.143.926.628)
230	II. Bất động sản đầu tư	8	755.547.134.688	773.609.833.262
231	1. Nguyên giá		1.402.325.852.217	1.363.248.894.102
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(646.778.717.529)	(589.639.060.840)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		220.920.419.978	27.665.774.762
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		220.920.419.978	27.665.774.762
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		10.007.590.702.376	10.447.652.066.978
251	1. Đầu tư vào công ty con	9.2	9.463.786.225.000	2.779.277.518.578
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	9.3	-	6.440.924.118.299
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.4	13.804.477.376	701.533.143.058
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.4	-	(4.082.712.957)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		530.000.000.000	530.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.118.832.016	19.405.252.488
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		12.966.757.893	13.463.018.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.152.074.123	5.942.234.202
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.784.217.933.163	12.760.365.884.193

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.704.415.864.666	4.083.535.127.037
310	I. Nợ ngắn hạn		657.500.384.587	733.472.658.290
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		20.144.506.423	24.587.829.385
312	2. Người mua trả tiền trước		2.745.516.549	1.818.985.420
313	3. Thuế và các khoản phải nộp NN	10	12.424.253.346	13.903.259.101
314	4. Phải trả người lao động		3.674.606.000	1.440.153.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	92.421.955.931	121.507.423.221
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		150.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	76.340.260.624	88.157.862.270
320	8. Vay và nợ thuê tài chính	13.1	449.599.285.714	481.578.452.384
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	478.693.509
330	II. Nợ dài hạn		3.046.915.480.079	3.350.062.468.747
337	1. Phải trả dài hạn khác		156.272.960.396	155.427.907.823
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.2	2.890.642.519.683	3.194.634.560.924
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	9.079.802.068.497	8.676.830.757.156
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.079.802.068.497	8.676.830.757.156
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(47.622.230.162)	(83.026.660)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.775.623.066.621	4.325.112.551.778
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.829.031.070.178	3.075.516.960.186
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		946.591.996.443	1.249.595.591.592
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.784.217.933.163	12.760.365.884.193

Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập

Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng




Huỳnh Thành Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	169.178.137.258	162.021.166.779	663.304.992.902	595.874.815.467
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	169.178.137.258	162.021.166.779	663.304.992.902	595.874.815.467
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(53.540.494.434)	(49.994.453.096)	(186.854.757.526)	(172.963.073.391)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.637.642.824	112.026.713.683	476.450.235.376	422.911.742.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	152.122.296.274	462.533.564.792	878.415.620.861	1.250.354.880.021
22	7. Chi phí tài chính	16	(61.232.455.848)	(75.356.537.111)	(298.172.706.397)	(292.001.889.953)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(67.349.534.610)	(72.883.354.088)	(293.305.439.545)	(313.427.265.874)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(26.187.268.004)	(36.428.685.865)	(72.651.927.928)	(75.735.943.235)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		180.340.215.246	462.775.055.499	984.041.221.912	1.305.528.788.909
31	10. Thu nhập khác	17	6.707.282.253	1.974.033.163	12.767.030.655	8.555.646.948
32	11. Chi phí khác	17	(1.586.568.203)	-	(1.586.568.203)	-
40	12. Lợi nhuận khác		5.120.714.050	1.974.033.163	11.180.462.452	8.555.646.948
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		185.460.929.296	464.749.088.662	995.221.684.364	1.314.084.435.857
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(11.988.406.270)	(12.397.135.017)	(44.839.527.842)	(64.312.066.485)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		467.225.086	4.517.453.321	(3.790.160.079)	(176.777.780)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		173.939.748.112	456.869.406.966	946.591.996.443	1.249.595.591.592


Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập


Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng




Huỳnh Thanh Hải
Tổng Giám Đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN Quý IV năm 2020:

Tổng lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2020 đạt 173,9 tỷ đồng giảm 277,2 tỷ đồng tương ứng giảm 61,45% so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu là do:

Doanh thu tài chính Quý IV năm 2020 giảm 310,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu chỉ là do thời điểm cổ tức từ công ty con và công ty liên kết chuyển về không cùng thời điểm so với cùng kỳ năm trước.

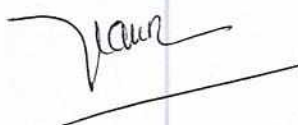
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		995.221.684.364	1.314.084.435.857
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	6.7.8	63.318.845.910	46.814.723.796
03	Các khoản trích lập dự phòng		(9.507.632.013)	(33.533.318.597)
04	(Lãi) lỗ từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		14.556.603	87.893.806
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(860.627.764.891)	(1.248.657.322.449)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu		298.719.152.353	318.840.978.682
		16		
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		487.138.842.326	397.637.391.095
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		5.699.822.631	124.629.501.460
11	(Tăng) giảm các khoản phải trả		(10.794.631.009)	52.489.113.477
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.035.458.804)	3.034.045.640
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		36.411.376.887	7.860.124.929
14	Tiền lãi vay đã trả		(303.967.814.363)	(255.392.535.419)
15	Thuế TNDN đã nộp		(45.248.256.589)	(67.762.209.404)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(478.693.509)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		166.725.187.570	262.495.431.778
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(498.541.992.424)	(266.254.426.551)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		1.063.454.545	
23	Tiền chi cho vay		(1.012.000.000.000)	(3.184.062.558.044)
24	Tiền thu hồi cho vay		668.000.000.000	2.323.142.558.044
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(399.798.768.144)	(1.897.329.899.514)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác		417.459.466.144	125.222.188.924
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		1.105.296.491.252	913.567.296.598
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		281.478.651.373	(1.985.714.840.543)
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành		(47.539.203.502)	
33	Tiền vay ngắn và dài hạn nhận được		202.219.364.995	2.347.702.871.932
34	Tiền chi trả nợ vay		(543.604.285.714)	(514.978.821.178)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(491.095.261.950)	(551.720.731.730)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(880.019.386.171)	1.281.003.319.024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(431.815.547.228)	(442.216.089.741)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		604.025.207.270	1.046.292.674.491
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(18.676.401)	(51.377.480)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		172.190.983.641	604.025.207.270




Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập
Ngày 29 tháng 01 năm 2021



Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng




Huỳnh Thanh Hải
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300741143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp được điều chỉnh mới nhất vào ngày 03 tháng 6 năm 2016. Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất và lắp đặt các hệ thống điều hòa không khí, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông và đồ điện gia dụng, sở hữu và cho thuê cao ốc văn phòng; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; khai thác xử lý và cung cấp nước; sản xuất điện; tư vấn, đấu giá bất động sản và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cập nhật theo Thông Tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua hoặc xây dựng bất động sản.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị phụ trợ	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Bất động sản đầu tư khác	2 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong nghiệp vụ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các khoản tăng giảm khối lượng khi thực hiện hợp đồng, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp lắp đặt không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được công bố.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được công bố. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng chênh lệch tạm thời được khấu trừ các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	62.163.961	49.465.136
Tiền gửi ngân hàng	47.128.819.680	112.075.742.134
Các khoản tương đương tiền	125.000.000.000	491.900.000.000
TỔNG CỘNG	172.190.983.641	604.025.207.270

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	76.800.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	36.648.511.318	52.646.997.260
Cổ tức phải thu	90.154.555.798	318.413.852.000
Tạm ứng đầu tư dự án	26.693.814.120	37.958.842.373
Ký quỹ thực hiện dự án	10.600.000.000	10.600.000.000
Phải thu khác	3.168.109.421	6.278.823.881
TỔNG CỘNG	167.341.790.657	425.898.515.514
Trong đó:		
Phải thu bên liên quan (thuyết minh 19)	129.489.280.384	328.427.478.768
Phải thu các bên khác	37.852.510.273	97.471.036.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.535.842.267	-	5.495.528.464	1.258.818.749	-	22.290.189.480
Mua mới	99.340.000	686.689.794	6.210.219.545	32.455.000		7.028.704.339
Đầu tư XDCB hoàn thành	21.550.322.939				13.641.668.514	35.191.991.453
Thanh lý	(15.535.842.267)					(15.535.842.267)
Số cuối kỳ	21.649.662.939	686.689.794	11.705.748.009	1.291.273.749	13.641.668.514	48.975.043.005
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	12.889.594.109	-	4.323.241.499	496.808.200	-	17.709.643.808
Khấu hao trong kỳ	1.577.994.805		1.094.949.653	302.656.689	56.840.285	3.032.441.432
Thanh lý	(12.885.819.519)					(12.885.819.519)
Số cuối kỳ	1.581.769.395	-	5.418.191.152	799.464.889	56.840.285	7.856.265.721
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	2.646.248.158	-	1.172.286.965	762.010.549	-	4.580.545.672
Số cuối kỳ	20.067.893.544	686.689.794	6.287.556.857	491.808.860	13.584.828.229	41.118.777.284

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	11.592.038.449	3.327.623.318	14.919.661.767
Mua mới		306.650.000	306.650.000
Thanh lý		(3.171.863.318)	(3.171.863.318)
Số cuối kỳ	11.592.038.449	462.410.000	12.054.448.449
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	3.816.303.310	3.327.623.318	7.143.926.628
Khấu hao trong kỳ	322.001.064	79.685.040	401.686.104
Thanh lý		(3.171.863.318)	(3.171.863.318)
Số cuối kỳ	4.138.304.374	235.445.040	4.373.749.414
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	7.775.735.139	-	7.775.735.139
Số cuối kỳ	7.453.734.075	226.964.960	7.680.699.035

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa & vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc & thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	989.638.933.389	372.973.257.258	90.250.454	546.453.001	1.363.248.894.102
Mua mới	7.221.136.506				7.221.136.506
Đầu tư XDCB hoàn thành	30.346.124.920	4.148.418.507			34.494.543.427
Thanh lý	(2.548.471.364)		(90.250.454)		(2.638.721.818)
Số cuối kỳ	1.024.657.723.451	377.121.675.765	-	546.453.001	1.402.325.852.217
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	370.069.173.295	218.933.184.090	90.250.454	546.453.001	589.639.060.840
Khấu hao trong kỳ	35.375.988.944	24.402.389.563	-	-	59.778.378.507
Thanh lý	(2.548.471.364)		(90.250.454)		(2.638.721.818)
Số cuối kỳ	402.896.690.875	243.335.573.653	-	546.453.001	646.778.717.529
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	619.569.760.094	154.040.073.168	-	-	773.609.833.262
Số cuối kỳ	621.761.032.576	133.786.102.112	-	-	755.547.134.688

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 9.1)	427.981.868.283	59.751.236.919
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(953.161.365)	(6.378.080.421)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	100.000.000.000	310.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	527.028.706.918	363.373.156.498

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 100.000.000.000 là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng, hưởng lãi suất bình quân trong khoảng 6.1%/năm.

Đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.2)	9.463.786.225.000	2.779.277.518.578
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 9.3)	-	6.440.924.118.299
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 9.4)	13.804.477.376	701.533.143.058
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(4.082.712.957)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 19)	530.000.000.000	530.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	10.007.590.702.376	10.447.652.066.978

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng(VND)	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)
Công Ty CP Măng Cành	-	-	6.133.400.000	(6.133.400.000)
Công Ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	404.643.411.920	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	23.338.456.363	(953.161.365)	53.617.836.919	(244.680.421)
TỔNG CỘNG	427.981.868.283	(953.161.365)	59.751.236.919	(6.378.080.421)

9.2 Đầu tư của Công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	6.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	DV quản lý văn phòng
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	91,06	149.997.353.000	149.997.353.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	149.992.500.000	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Năng Lượng Mặt Trời R.E.E	-	-	42.228.562.025	TP.HCM - Việt Nam	Điện
Công ty TNHH Bất Động Sản REE	100,00	913.481.172.000	650.592.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty TNHH Nước Sạch REE	100,00	1.627.814.620.000	200.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty CP Thủy Điện Thác Bà	-	-	655.239.489.784	Yên Bái – Việt Nam	Thủy điện
Công ty CPPT Điện Trà Vinh	-	-	56.252.866.009	Trà Vinh – Việt Nam	Cung cấp điện
Công ty CP Hạ Tầng và BĐS Việt Nam	-	-	207.611.970.000	Hà Nội – Việt Nam	Bất động sản
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	-	-	111.162.777.760	Bình Thuận – Việt Nam	Điện gió
Công ty TNHH TMDV Tín Hiệu Xanh	100,00	413.000.000.000	750.000.000.000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện
Công ty CP Bất Động Sản Song Long (*)	70,00	0	0	TP.HCM – Việt Nam	Bất Động Sản
Công Ty TNHH Năng Lượng REE	100,00	6.203.500.580.000	0	TP.HCM- Việt Nam	Năng Lượng
TỔNG CỘNG		9.463.786.225.000	2.779.277.518.578		

(*) Tại ngày 31/12/2020, Công Ty vẫn chưa góp vốn cho Cty CP Bất Động Sản Song Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.3 Đầu tư vào các công ty liên kết (*)

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	-	-	54.457.202.000	Bất động sản
Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ	-	-	382.178.855.776	Sản xuất điện
Công ty CP Nhiệt Điện Ninh Bình	-	-	55.515.588.342	Sản xuất điện
Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	-	-	825.727.978.500	Sản xuất điện
Cty CP Thủy Điện Srok Phu Miêng	-	-	173.265.171.175	Sản xuất điện
Công ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ	-	-	368.000.000.000	Sản xuất điện
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	-	-	409.901.420.000	Cung cấp nước
Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức	-	-	68.375.426.417	Cung cấp nước
Công ty CPĐT Nước Tân Hiệp	-	-	76.800.000.000	Cung cấp nước
Cty CP ĐT và KD Nước Sạch Sài Gòn	-	-	45.000.000.000	Cung cấp nước
Công ty CP Cấp Nước Gia Định	-	-	24.809.965.209	Cung cấp nước
Công ty CP Thủy Điện Bình Điền	-	-	59.910.716.000	Sản xuất điện
Công ty CP Cấp Nước Nhà Bè	-	-	40.176.895.080	Cung cấp nước
Công ty CP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hinh	-	-	1.970.205.377.513	Sản xuất điện
Công ty CP Thủy Điện Miền Trung	-	-	615.869.678.461	Sản xuất điện
Công ty CP Nước Sạch Sông Đà	-	-	691.163.889.610	Cung cấp nước
Công ty CP Thủy Điện Mường Hum	-	-	324.939.754.206	Cung cấp điện
Công ty CP Cấp Nước Khánh Hòa	-	-	254.626.200.010	Cung cấp nước
TỔNG CỘNG		-	6.440.924.118.299	

(*) Theo Quyết định của HĐQT số 15/2020/QĐ-HĐQT-REE ngày 30/09/2020 về việc góp vốn cổ phần vào các công ty: Cty TNHH Năng Lượng REE, Cty TNHH Nước Sạch REE và Cty TNHH Bất Động Sản REE, công ty đã hoàn tất việc góp vốn này vào ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.4 Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị đầu tư(VND)	Dự phòng (VND)
Công Ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	-	-	470.646.304.200	-
Công ty CP Than Đèo Nai	-	-	13.357.749.879	(1.867.625.079)
Các khoản đầu tư dài hạn khác	13.804.477.376	-	217.529.088.979	(2.215.087.878)
TỔNG CỘNG	13.804.477.376	-	701.533.143.058	(4.082.712.957)

10. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.988.406.270	12.347.475.906
Thuế GTGT	-	988.119.104
Thuế thu nhập cá nhân	435.847.076	567.664.091
TỔNG CỘNG	12.424.253.346	13.903.259.101

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, trái phiếu	86.956.055.493	97.775.403.067
Các khoản phải trả khác	5.465.900.438	23.732.020.154
TỔNG CỘNG	92.421.955.931	121.507.423.221

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, KPCĐ, BHTN	58.355.580	43.503.580
Phải trả các khoản đầu tư	10.670.827.732	33.611.023.026
Cổ tức, trái tức phải trả các cổ đông	50.172.266.256	45.186.046.606
Các khoản phải trả khác	15.438.811.056	9.317.289.058
TỔNG CỘNG	76.340.260.624	88.157.862.270
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (thuyết minh 19)	10.039.914.281	7.574.766.058
Phải trả các bên khác	66.300.346.343	80.583.096.212

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
13.1 Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	449.599.285.714	481.578.452.384
Vay ngắn hạn	-	68.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (*)	199.599.285.714	163.578.452.384
Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả (**)	250.000.000.000	250.000.000.000
13.2 Dài hạn		
Vay dài hạn	2.890.642.519.683	3.194.634.560.924
Nợ dài hạn (*)	356.052.222.137	415.457.976.184
Trái phiếu (**)	2.534.590.297.546	2.779.176.584.740
TỔNG CỘNG	3.340.241.805.397	3.676.213.013.308

Các khoản vay dài hạn có lãi suất tương ứng từ 3,59% đến 7,27% / năm.

(*) Chi tiết vay dài hạn như sau:

Khoản tín dụng số	Số cuối kỳ(VND)	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC			
HĐTĐ / VNM 170276CM (VND)	282.857.142.856	Ngày 24 tháng 7 năm 2024	Tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Q.4, TP. HCM
Ngân hàng TMCP Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn			
HĐTĐ/100.HĐTĐ.625.1 6.VIB (VND)	88.885.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Thế chấp bằng khoản phải thu từ cho thuê văn phòng của các cao ốc, khoản phải thu cổ tức nhận từ cty CP BOO Nước Thủ Đức
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam			
SHBVN/BC/HĐTĐ/REE/ 201805(VND)	183.909.364.995	Ngày 08 tháng 5 năm 2026	Thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Cty CP Cơ Điện Lạnh tại địa chỉ 364 Cộng Hòa, P13, Tân Bình, TP.HCM
TỔNG CỘNG	555.651.507.851		

(**) Trái phiếu

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu), số trái phiếu này được mua bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VCB") và Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank ("VCBF"). Các trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành.

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 250 trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để đầu tư các dự án của Công ty; tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 74.896.260 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh số 9.3).

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2019 Công ty đã phát hành 2.318 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm (REE-BOND2029) với tổng giá trị 2.318 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu). Đây là Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF) – Một quỹ tín thác của Ngân hàng phát triển Châu Á (“CGIF”).

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này để sử dụng cho việc phát triển dự án và các hoạt động mua bán, chuyển nhượng vốn. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 38.365.168 cổ phiếu Công ty CP Thủy Điện Thác Bà và 32.000.000 cổ phiếu Công ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	3.633.608.626.986	7.985.326.832.364
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.249.595.591.592	1.249.595.591.592
Chia cổ tức	-	-	-	-	(558.091.666.800)	(558.091.666.800)
Số cuối năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	4.325.112.551.778	8.676.830.757.156
Năm nay						
Số đầu năm	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	4.325.112.551.778	8.676.830.757.156
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	946.591.996.443	946.591.996.443
Chia cổ tức năm trước (*)	-	-	-	-	(496.081.481.600)	(496.081.481.600)
Tăng khác (**)	-	-	(47.539.203.502)	-	-	(47.539.203.502)
Số cuối kỳ	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	4.775.623.066.621	9.079.802.068.497

(*) Theo Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông số 02/2020/ĐHĐCĐ-NQ ngày 15 tháng 05 năm 2020, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT") về kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 16% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 16% này, tương đương với 496.081.481.600 VND vào ngày 03 tháng 03 năm 2020 và thực hiện chi trả vào ngày 10 tháng 04 năm 2020.

(**) Theo quyết định của HĐQT số 22/2020/QĐ-HĐQT-REE ngày 30 tháng 10 năm 2020, công ty mua lại 1.000.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ và đã hoàn tất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019
Tổng doanh thu	169.178.137.258	162.021.166.779
Trong đó:		
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	169.178.137.258	162.021.166.779

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019
Cổ tức được chia	129.956.278.085	425.601.742.059
Lãi tiền gửi	22.097.926.936	36.902.339.446
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.533.533	29.483.287
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	44.557.720	-
TỔNG CỘNG	152.122.296.274	462.533.564.792

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019
Dự phòng (Hoàn nhập) giảm giá đầu tư	(9.680.398.018)	(3.127.018.600)
Chi phí lãi vay	67.349.534.610	72.883.354.088
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.353.428.202	1.670.320.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá	77.373.475	177.886.858
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	6.695.070	-
Chi phí tài chính khác	2.125.822.509	3.751.994.227
TỔNG CỘNG	61.232.455.848	75.356.537.111

17. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019
Thu nhập khác	6.707.282.253	1.974.033.163
Chi phí khác	1.586.568.203	-
TỔNG CỘNG	5.120.714.050	1.974.033.163

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị tính: VND	
	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019
Chi phí nhân công	16.530.072.025	22.699.532.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.339.293.294	14.869.935.046
Chi phí dịch vụ mua vào	36.844.595.307	35.436.830.230
Chi phí khác bằng tiền	10.013.801.812	13.416.841.269
TỔNG CỘNG	79.727.762.438	86.423.138.961

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Công ty Cổ phần Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Chi phí XD/CB	1.045.404.196 (9.366.407.000)
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Cổ tức	168.758.600 22.784.857.398
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê Phí quản lý	7.931.763.601 (17.404.852.465)
Công ty TNHH Bất Động Sản REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ Chi phí XD/CB	6.000.000 (533.036.939)
Công Ty TNHH Năng Lượng REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	11.070.455
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ Doanh thu tài chính Cho vay Phí dịch vụ	71.663.038 1.138.156.164 126.000.000.000 (174.000.000)
Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu cho thuê	176.631.093
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch Vụ REEPRO	Công ty con Gián tiếp	Chi phí XD/CB	(686.689.794)
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Điện Trà Vinh	Công ty con Gián tiếp	Phí dịch vụ	(101.000.315)
Công ty Cổ Phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ Thu nhập cổ tức	86.024.223 46.948.120.000
Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Srok Phu Miêng	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	12.347.114.400
Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	27.088.691.000
Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	13.470.424.687
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	Công ty liên kết	Lãi trái phiếu và lãi vay Cho vay	19.563.648.302 208,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

Phải thu khách hàng

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/phải trả (VND)</i>
Công ty CP DV & KT Cơ Điện Lạnh	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	157.300
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	12.177.500
Công ty CP B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	94.626.645
TỔNG CỘNG			106.961.445

Phải thu cho vay ngắn hạn

Công ty Cổ Phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết	Cho vay	446.600.000.000
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con gián tiếp	Cho vay	176.000.000.000
TỔNG CỘNG			622.600.000.000

Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết	Mua trái phiếu	500.000.000.000
TỔNG CỘNG			500.000.000.000

Phải thu khác

Công ty TNHH Bất Động Sản REE	Công ty con	Phải thu cổ tức	14.500.000.000
Công ty CP Điện Máy REE	Công ty con	Phải thu cổ tức	20.784.857.398
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2.741.192.720
Công ty TNHH Nước Sạch REE	Công ty con	Phải thu khác	27.500.000
Công ty CP Năng Lượng Mặt Trời REE	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi tiền vay	498.019.178
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Srok Phu Mieng	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	27.781.007.400
Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	27.088.691.000
Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết	Phải thu lãi trái phiếu	24.950.684.933
		Phải thu lãi tiền vay	11.117.327.755
TỔNG CỘNG			129.489.280.384

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Quản lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(3.039.575.702)
Công ty TNHH Bất Động Sản REE	Công ty con	Phí quản lý	(195.361.815)
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch Vụ REEPRO	Công ty con gián tiếp	Phí dịch vụ	(755.358.773)
Công ty CP Phát Triển Điện Trà Vinh	Công ty con gián tiếp	Phí dịch vụ	(91.300.347)
TỔNG CỘNG			(4.081.596.637)

Trả trước cho người bán

Công Ty CP DV & KT Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Ứng trước CP XDCB	1.435.822.120
Công ty Phong Điện Thuận Bình	Công ty con gián tiếp	Ứng trước CP XDCB	330.412.024
TỔNG CỘNG			1.766.234.144

Phải trả khác

Công ty TNHH Quản lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí dịch vụ quản lý	(10.039.914.281)
TỔNG CỘNG			(10.039.914.281)

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm này.


Báo cáo tài chính Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 29 tháng 01 năm 2021.



Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

